

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN YASHI

Ngành: **KẾ TOÁN**

Chuyên ngành: **KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH**

Giảng viên hướng dẫn: Th.s **LÊ VĂN TUẤN**

Sinh viên thực hiện: **TRẦN THỊ HIỀN**

MSSV: 1154030254 Lớp: 11DKTC01

TP. Hồ Chí Minh, năm <2015>



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ TP. HCM
KHOA KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN YASHI

Ngành: **KẾ TOÁN**

Chuyên ngành: **KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH**

Giảng viên hướng dẫn: Th.s LÊ VĂN TUẤN

Sinh viên thực hiện: TRẦN THỊ HIỀN

MSSV: 1154030254 Lớp: 11DKTC01

TP. Hồ Chí Minh, năm 2015

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan đề tài nghiên cứu này là do em tự làm dựa trên những tư liệu tham khảo trong sách và trên mạng. Các số liệu là hoàn toàn đúng với số liệu của công ty đưa ra. Nếu có sai sót em xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Tp Hồ Chí Minh, ngàythángnăm 2015

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Hiền

LỜI CẢM ƠN

Do thời gian nghiên cứu và thực tập còn ngắn với trình độ hiểu biết còn hạn chế, do vậy bài khóa luận về chuyên đề này còn có nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp và chỉ bảo của thầy và quý công ty.

Trong quá trình thực tập, em đã nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn rất tận tình của toàn thể các anh chị cán bộ nhân viên công ty cổ phần YASHI cũng như sự hướng dẫn, chỉ dẫn chân thành của thầy Ths.LÊ VĂN TUẤN- người đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn thầy và quý công ty.

Tp Hồ Chí Minh, ngàythángnăm 2015

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Hiền

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Tên đơn vị thực tập : Công ty cổ phần YASHI

Địa chỉ : 6B, Lê Quý Đôn, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại liên lạc

Email :

NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN:

Họ và tên sinh viên : TRẦN THỊ HIỀN

MSSV : 1154030254.

Lớp : 11DKTC01

Thời gian thực tập tại đơn vị : Từ đến

Tại bộ phận thực tập :

Trong quá trình thực tập tại đơn vị sinh viên đã thể hiện :

1. **Tinh thần trách nhiệm với công việc và ý thức chấp hành kỷ luật :**

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

2. **Số buổi thực tập thực tế tại đơn vị :**

☐ >3 buổi/tuần ☐ 1-2 buổi/tuần ☐ ít đến đơn vị

3. **Đề tài phản ánh được thực trạng hoạt động của đơn vị :**

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

4. **Nắm bắt được những quy trình nghiệp vụ chuyên ngành (Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Ngân hàng):**

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

TP. HCM, ngàythángnăm 201...

Đơn vị thực tập

(Ký tên và đóng dấu)

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN :

Họ và tên sinh viên : TRẦN THỊ HIỀN

MSSV : 1154030254

Lớp : 11DKTC01

Thời gian thực tập: Từ đến

Tại đơn vị:

Trong quá trình viết báo cáo thực tập sinh viên đã thể hiện :

1. Thực hiện viết báo cáo thực tập theo quy định:

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

2. Thường xuyên liên hệ và trao đổi chuyên môn với Giảng viên hướng dẫn :

☐ Thường xuyên ☐ Ít liên hệ ☐ Không

3. Đề tài đạt chất lượng theo yêu cầu :

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Không đạt

TP. HCM, ngày ... thángnăm 201..

Giảng viên hướng dẫn

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
1	NLVL	Nguyên liệu, vật liệu
2	TK	Tài khoản
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	XNK	Xuất nhập khẩu
5	TM-DV	Thương mại và dịch vụ
6	GTGT-KT	Giá trị gia tăng khấu trừ

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song

Sơ đồ 1.2 : Hạch toán chi tiết NLVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Sơ đồ 1.3 : Hạch toán chi tiết NLVL theo phương pháp ghi sổ sổ dư

Sơ đồ 1.4 : Hạch toán tổng hợp NLVL theo phương pháp kê khai thường xuyên (thuế GTGT được khấu trừ)

Sơ đồ 2.1 : Bộ máy tổ chức của Công ty cổ phần Yashi

Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán tại Công ty

Sơ đồ 2.3 : Hình thức kế toán trên máy tính

Sơ đồ 2.4 : Quy trình luân chuyển chứng từ NLVL

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	vi
MỤC LỤC	vii
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU	3
1.1. Những vấn đề chung về nguyên liệu vật liệu.....	3
1.1.1. Khái niệm về nguyên liệu, vật liệu	3
1.1.2. Phân loại nguyên liệu, vật liệu.....	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên liệu, vật liệu.....	4
1.2. Tính giá nguyên liệu, vật liệu.....	4
1.2.1. Nguyên tắc	4
1.2.2. Tính giá nguyên liệu, vật liệu nhập kho	5
1.2.3. Tính giá nguyên liệu, vật liệu xuất kho	7
1.3. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.....	9
1.3.1. Các chứng từ sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu	9
1.3.2. Sổ sách kế toán sử dụng.....	10
1.4. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu.....	11
1.4.1. Phương pháp thẻ song song	11

1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	12
1.4.3. Phương pháp ghi sổ sổ dư.....	13
1.5. Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	14
1.5.1. Kết cấu tài khoản 152- nguyên liệu, vật liệu	14
1.5.2. Đặc điểm phương pháp kê khai thường xuyên.....	15
1.5.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu ...	15
CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN YASHI	23
2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ Phần Yashi	23
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	23
2.1.1.1. Giới thiệu chung	23
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển	23
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty.....	24
2.1.2.1. Chức năng	24
2.1.2.2. Nhiệm vụ.....	24
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	24
2.1.3.1. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý	24
2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận	25
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán	27
2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán	27
2.1.4.2. Nhiệm vụ của từng phần hành kế toán	28

2.1.4.3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty.....	29
2.1.4.3.1. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	29
2.1.4.3.2. Chính sách kế toán	29
2.1.4.3.3. Hệ thống tài khoản sử dụng.....	30
2.1.4.3.4. Chứng từ kế toán	30
2.1.4.3.5. Hình thức kế toán sử dụng	30
2.2. Thực trạng kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty Cổ Phần Yashi	32
2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên liệu vật liệu.....	32
2.2.2. Tính giá Nguyên liệu, vật liệu	32
2.2.2.1. Nguyên tắc	32
2.2.2.2. Quy trình nhập kho	33
2.2.2.3. Tính giá nguyên liệu, vật liệu xuất kho	34
2.2.3. Minh họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty Yashi	34
CHƯƠNG 3 : Nhận xét đánh giá thực trạng đề xuất các giải pháp về kế toán nguyên liệu vật liệu tại công ty cổ phần yashi	45
3.1. Những kết quả đạt được thông qua việc nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty cổ phần Yashi	45
3.2. Những ưu điểm và hạn chế tại bộ phận kế toán của Công ty	45
3.2.1. Ưu điểm.....	45
3.2.2. Nhược điểm.....	47
3.3. Các đề xuất kiến nghị về kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty cổ phần Yashi	49

3.3.1. Hoàn thiện bộ phận kế toán	50
3.3.2. Hoàn thiện về phần mềm kế toán:	50
3.3.3. Hoàn thiện quản lý, luân chuyển chứng từ	50
3.3.4. Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty	50
KẾT LUẬN.....	52
TÀI LIỆU THAM KHẢO	53

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế trường đang diễn ra sôi động như hiện nay, muốn thích ứng nhanh và đứng vững được yêu cầu đề ra cho các doanh nghiệp là phải vận động hết mình, sáng tạo trong công tác quản lý, tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Kế toán giữ vai trò quan trọng tích cực trong việc quản lý tài sản và điều hành mọi hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mọi sản phẩm vật chất đều được cấu thành từ nguyên liệu, vật liệu nó là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất.

Để thực hiện mục tiêu trên đòi hỏi công tác kế toán nguyên liệu vật liệu phải chặt chẽ, khoa học. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, vật liệu tại doanh nghiệp.

Nhận thức được điều quan trọng của nguyên liệu, vật liệu trong sản xuất kinh doanh, sau thời gian thực tập tìm hiểu về công tác kế toán ở Công ty Cổ Phần YASHI em chọn đề tài: "Kế toán nguyên liệu vật liệu trong doanh nghiệp"

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Đây là cơ hội củng cố, áp dụng những kiến thức có được sau bốn năm học tại trường vào thực tiễn
- So sánh đối chiếu phương pháp kế toán nguyên liệu vật liệu thực tế tại đơn vị với kiến thức đã học ở trường, để từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân.
- Nâng cao kiến thức về nghề nghiệp kế toán
- Có những nhận xét, kiến nghị để hoàn thiện bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập.
- Bước đầu hình thành tư duy nghề nghiệp tương lại.

3. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Khóa luận nghiên cứu về công tác kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công Ty Cổ Phần YASHI.
- Về không gian: Tại phòng kế toán của Công Ty Cổ Phần YASHI, địa chỉ số 6B, Lê Quý Đôn, P6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.(Nhà hàng ẩm thực hàn quốc KangNamGa).

- Về thời gian thực hiện: thời gian tìm hiểu nghiên cứu bắt đầu từ t4/2015 đến hết t6/2015

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phỏng vấn: là phương pháp được sử dụng trong suốt quá trình thực tập tại công ty, đối tượng phỏng vấn là kế toán tổng hợp tại công ty.
- Phương pháp nghiên cứu, tập hợp: tập hợp và nghiên cứu các chứng từ, đồng thời tìm hiểu các giáo trình, quy định của pháp luật về các vấn đề liên quan tới khóa luận.
- Phương pháp so sánh: so sánh giữa lý thuyết và thực tế
- Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

5. Kết cấu ba chương

Nội dung đề tài gồm có ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán nguyên liệu, vật liệu

Trình bày hệ thống lý thuyết về khái niệm, nguyên tắc, phương pháp hạch toán kế toán có liên quan đến đề tài khóa luận

Chương 2: Thực trạng kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty Cổ Phần YASHI

Trình bày khái quát chung về công ty, qua quá trình thực tập nghiên cứu trình bày thực trạng kế toán nguyên liệu vật liệu tại doanh nghiệp.

Chương 3: Nhận xét đánh giá thực trạng đề xuất các giải pháp về kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty Cổ Phần YASHI

Đưa ra kết luận đánh giá ưu, nhược điểm của hệ thống kế toán tại công ty, những kết quả đạt được thông qua việc nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty để từ đó đề xuất một số kiến nghị giải pháp, hoàn thiện bộ phận kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty.

Trong thời gian thực tập viết báo cáo mặc dù đã rất cố gắng nhưng do trình độ và khả năng còn hạn chế. Trong khi thời gian tìm hiểu còn ngắn, bản thân không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Kính mong quý thầy cô, Ban Giám Đốc và các anh chị trong phòng kế toán – tài chính Công ty góp ý để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

1.1. Những vấn đề chung về nguyên liệu vật liệu

1.1.1. Khái niệm về nguyên liệu, vật liệu

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất, bị tiêu hao một phần hoặc toàn bộ vào quá trình sản xuất. Nguyên liệu vật liệu thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển đổi toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Phân loại nguyên liệu, vật liệu

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: Là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể.

Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ...không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

- *Vật liệu phụ*: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

- *Nhiên liệu*: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

- *Vật tư thay thế*: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất..

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên liệu, vật liệu

Nguyên liệu vật liệu là một yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất – kinh doanh ở các doanh nghiệp. Giá trị nguyên liệu, vật liệu thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất – kinh doanh, vì vậy quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng là điều kiện cần thiết để bảo đảm chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán nguyên liệu, vật liệu trước hết các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho nguyên liệu, vật liệu phải rõ ràng chính xác. Để quá trình sản xuất kinh doanh liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì doanh nghiệp phải dự trữ nguyên liệu vật liệu ở mức độ hợp lý.

Do vậy, các doanh nghiệp phải xây dựng định mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm nguyên liệu vật liệu, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại nguyên liệu vật liệu nào đó.

Định mức tồn kho của kế toán nguyên liệu vật liệu còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua nguyên liệu vật liệu và kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.

Để bảo quản tốt nguyên liệu vật liệu dự trữ, giảm thiểu hư hỏng, mất mát, các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho hàng, bên bãi đủ điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý nguyên liệu vật liệu tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất kho tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.2. Tính giá nguyên liệu, vật liệu

1.2.1. Nguyên tắc

Theo chuẩn mực kế toán số 02-Hàng tồn kho: “Nguyên liệu, vật liệu” phải được thực hiện theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.”

Nội dung giá gốc của nguyên liệu, vật liệu được xác định theo từng nguồn nhập.

“*Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu mua ngoài*, bao gồm: Giá mua ghi trên hóa đơn, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT hàng nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường phải nộp (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,... nguyên

liệu, vật liệu từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có)”-Chuẩn mực 02-Hàng tồn kho:

+ Trường hợp thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT. Nếu thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào bao gồm cả thuế GTGT.

+ Đối với nguyên liệu, vật liệu mua bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định tại Điều 69 – hướng dẫn phương pháp kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái.

+ *Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu tự chế biến*, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

+ *Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công chế biến*, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về doanh nghiệp, tiền thuê ngoài gia công chế biến.

+ *Giá gốc của nguyên liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần* là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp thuận.

Chi phí chế biến hàng tồn kho bao gồm những chi phí liên quan trực tiếp đến sản xuất, như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Chi phí sản xuất chung cố định là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất, như chi phí khấu hao, chi phí bảo dưỡng máy móc thiết bị, nhà xưởng,... và chi phí quản lý hành chính ở các phân xưởng sản xuất.

Chi phí sản xuất chung biến đổi là những chi phí sản xuất gián tiếp, thường thay đổi trực tiếp theo số lượng sản phẩm sản xuất, như chi phí nguyên liệu, vật liệu gián tiếp, chi phí nhân công gián tiếp.

1.2.2. Tính giá nguyên liệu, vật liệu nhập kho

Công thức tính giá hàng hóa nguyên liệu vật liệu nhập kho cụ thể

$$\text{Giá nhập kho} = \text{Giá trị hàng hóa, NLVL} + \text{Chi phí mua}$$

Những doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương khấu trừ thì giá gốc không bao gồm thuế GTGT.

Những doanh nghiệp kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (hóa đơn bán hàng thông thường) thì giá gốc bao gồm thuế GTGT.

Sau đây là các trường hợp tính giá nguyên liệu vật liệu:

- Tính giá nguyên liệu vật liệu nhập kho mua trong nước:

Giá nhập kho = giá trị trên hóa đơn GTGT + chi phí vận chuyển, bốc dỡ - các khoản giảm giá hàng bán

- Tính giá nhập kho nguyên liệu vật liệu nhập khẩu:

Giá nhập kho = Giá hàng mua + thuế nhập khẩu + thuế TTĐB (nếu có) + chi phí mua hàng – các khoản giảm giá hàng bán

Chú ý: Giá mua NLVL được xác định theo từng trường hợp cụ thể như sau:

+ Nếu thanh toán một lần trước khi nhận hàng:

Giá mua = tính theo tỷ giá ngày thanh toán

+ Nếu thanh toán một lần sau khi nhận hàng:

Giá mua = tính theo tỷ giá trên tờ khai hải quan

+ Nếu thanh toán nhiều lần trước và sau khi nhận hàng:

Giá mua = tính tỷ giá dựa trên tờ khai hải quan

Chi phí mua bao gồm: vận tải, bốc dỡ, lưu kho, chi phí mở thủ tục hải quan.

Đối với những nguyên liệu vật liệu được mua bằng ngoại tệ thì phải quy ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch.

Giá trị = giá mua + thuế không hoàn lại + chi phí mua hàng - các khoản giảm trừ
Thực tế

+ NLVL tự chế tạo

Giá trị thực tế của NLVL chế tạo = giá trị thực tế NLVL xuất đi chế tạo + các chi phí chế biến phát sinh

+ NLVL thuê ngoài, gia công chế tạo

Giá trị thực tế của NLVL thuê ngoài gia công chế tạo = giá trị thực tế của NLVL xuất thuê ngoài gia công chế tạo + chi phí vận chuyển NLVL đến nơi chế tạo (chở về) + tiền thuê ngoài gia công chế tạo

+ NLVL nhận vốn góp liên doanh, góp cổ phần

Giá trị thực tế NLVL nhận góp vốn liên doanh cổ phần = giá trị thỏa thuận của các bên tham gia góp vốn + chi phí liên quan (nếu có)

1.2.3. Tính giá nguyên liệu, vật liệu xuất kho

Việc tính trị giá của nguyên liệu, vật liệu xuất kho được thực hiện theo một trong các phương pháp sau: (Theo chuẩn mực kế toán số 02-Hàng tồn kho)

- + Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp thực tế đích danh
- + Phương pháp nhập trước, xuất trước
- + Phương pháp nhập sau, xuất trước

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng đối với những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Ưu điểm: Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng tồn kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nguyên liệu, vật liệu tạo ra. Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Nhược điểm: Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân (bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân cuối kỳ trước, bình quân sau mỗi lần nhập)

Giá thực tế nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa xuất dùng = số lượng x giá đơn vị bình quân

Giá đơn vị bình quân được xác định bằng nhiều cách:

Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ: phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm nhưng số lần nhập, xuất mặt hàng lại nhiều, căn cứ vào giá thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định đơn giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hóa.

$$\text{Đơn giá bình quân của cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{nhập trong kỳ}}{\text{số lượng tồn đầu kỳ} + \text{nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân cuối kỳ trước: Phương pháp này khá đơn giản và phản ánh kịp thời tình hình biến động của nguyên liệu, vật liệu hàng hóa. Tuy nhiên lại không chính xác vì không tính biến động của giá cả.

$$\text{đơn giá bình quân} = \frac{\text{giá thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{lượng thực tế tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}$$

phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập: Theo phương pháp này thì nguyên liệu, vật liệu sẽ được tính giá bình quân sau mỗi lần nhập về.

$$\text{đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{giá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Ưu điểm: Phương pháp này khắc phục nhược điểm của hai phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật được thường xuyên liên tục.

Nhược điểm: tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

Nhập trước – xuất trước: theo phương pháp này thì hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa, nguyên liệu- vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm. (thường sử dụng cho các doanh nghiệp kinh doanh về thuốc, mỹ phẩm...)

Ưu điểm: có thể tính ngay trị giá vốn hàng tồn kho từng lần xuất, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của nguyên liệu, vật liệu, hay hàng hóa đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

Phương pháp nhập sau – xuất trước: Phương pháp này ngược với phương pháp nhập trước- xuất trước, tức là hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu mua vào sau cũng sẽ được xuất trước, thường thích hợp với các doanh nghiệp kinh doanh về xây dựng... phương pháp tính giá xuất hết những hàng hóa, nguyên liệu nhập sau cùng rồi mới tới những hàng hóa, nguyên liệu nhập vào kế đó.

1.3. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

1.3.1. Các chứng từ sử dụng trong kế toán nguyên liệu, vật liệu

Mọi hoạt động kinh tế xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đều liên quan đến việc nhập, xuất nguyên liệu vật liệu đều phải lập chứng từ một

cách kịp thời đầy đủ, chính xác theo chế độ quy định ghi chép ban đầu về nguyên liệu vật liệu đã được nhà nước ban hành.

Hiện tại doanh nghiệp thực hiện theo quyết định 48/2006/ QĐ- BTC ban hành có các mẫu chứng từ sau:

- Mẫu 01- VT: Phiếu nhập kho
- Mẫu 02- VT: Phiếu xuất kho
- Mẫu 03 – VT: Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ sản phẩm, hàng hóa
- Mẫu 04 – VT: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.
- Mẫu 05 – VT: Biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm, hàng hóa, công cụ
- Mẫu 06 – VT: Bảng kê mua hàng
- Mẫu 07 – VT: Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.

Ngoài các chứng từ mang tính chất bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của nhà nước, trong các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước tùy thuộc đặc điểm tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế khác nhau.

Người lập chứng từ phải kịp thời đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập và chịu trách nhiệm về việc ghi chép chính xác về số liệu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Mọi chứng từ kế toán về nguyên liệu vật liệu phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự và thời gian quy định, hợp lý phục vụ cho việc phản ánh, ghi chép, tổng hợp kịp thời.

1.3.2. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa.
- Bảng tổng hợp chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa
- Thẻ kho.
- Sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản 152.
- Sổ cái 152, sổ nhật ký chung
- Bảng kê nhập – xuất – tồn kho nguyên vật liệu.

1.4. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, thứ nguyên liệu, vật liệu. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán trong kế toán chi tiết nhập, xuất nguyên liệu, vật liệu thì cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và hạch toán của nguyên liệu, vật liệu để tính giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trong kỳ theo công thức

Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NLVL(1)

$$= \frac{\text{giá thực tế của NLVL tồn kho đầu kỳ} + \text{giá thực tế của NLVL nhập trong kỳ}}{\text{giá hạch toán của NLVL tồn kho đầu kỳ} + \text{giá hạch toán của NLVL nhập kho trong kỳ}}$$

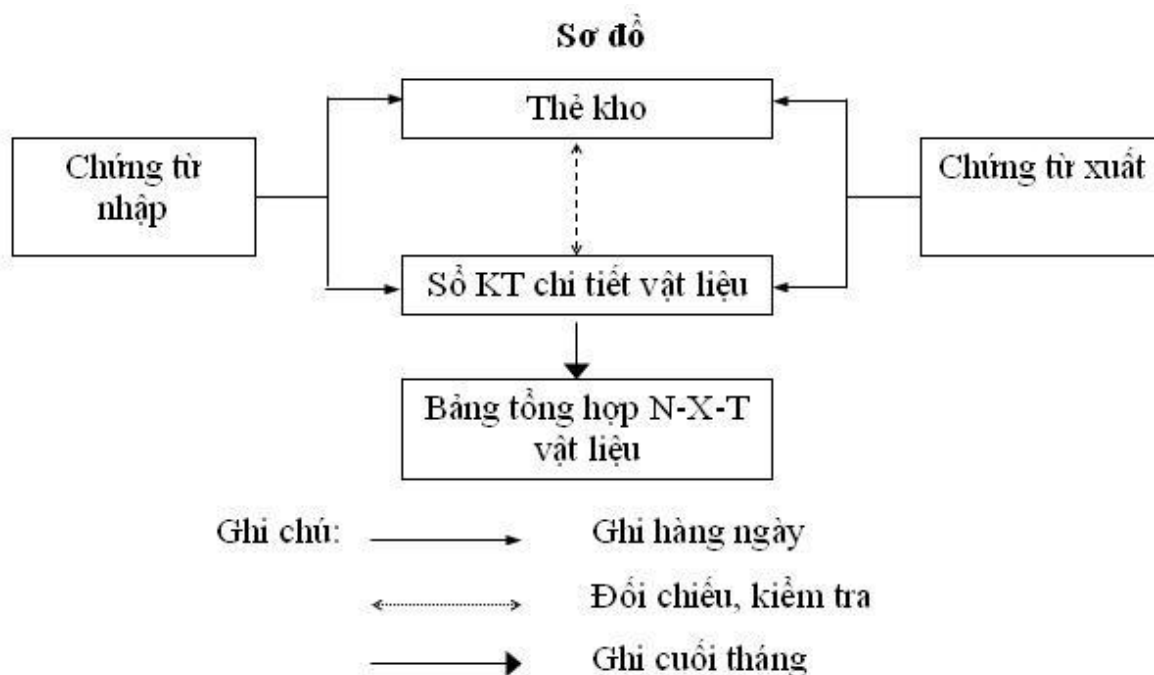
Giá thực tế của NLVL = giá hạch toán của NLVL xuất dùng trong kỳ x hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NLVL (1)

1.4.1. Phương pháp thẻ song song

Phương pháp này sử dụng các sổ chi tiết để theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và giá trị.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi nhận chứng từ tại kho, kế toán tiến hành việc kiểm tra, ghi giá và phản ánh vào các sổ chi tiết cả về số lượng và giá trị,
- Cuối tháng, kế toán đối chiếu số liệu tồn kho theo chi tiết từng loại trên sổ chi tiết với số liệu tồn kho trên thẻ kho và số liệu kiểm kê thực tế, nếu có chênh lệch phải được xử lý kịp thời. Sau khi đã đối chiếu và đảm bảo số liệu đã khớp đúng. Kế toán tiến hành lập bảng tổng hợp chi tiết nhập – xuất – tồn kho nguyên liệu, vật liệu.
- Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết nhập- xuất tồn kho nguyên liệu, vật liệu được dùng để đối chiếu với số liệu trên tài khoản 152 trong sổ cái.
- Phương pháp này đơn giản, dễ dàng ghi chép đối chiếu, song cũng tồn tại nhược điểm là sự trùng lặp trong công việc. Tuy nhiên, phương pháp này rất tiện lợi trong doanh nghiệp xử lý công việc bằng máy tính.

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song



1.4.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

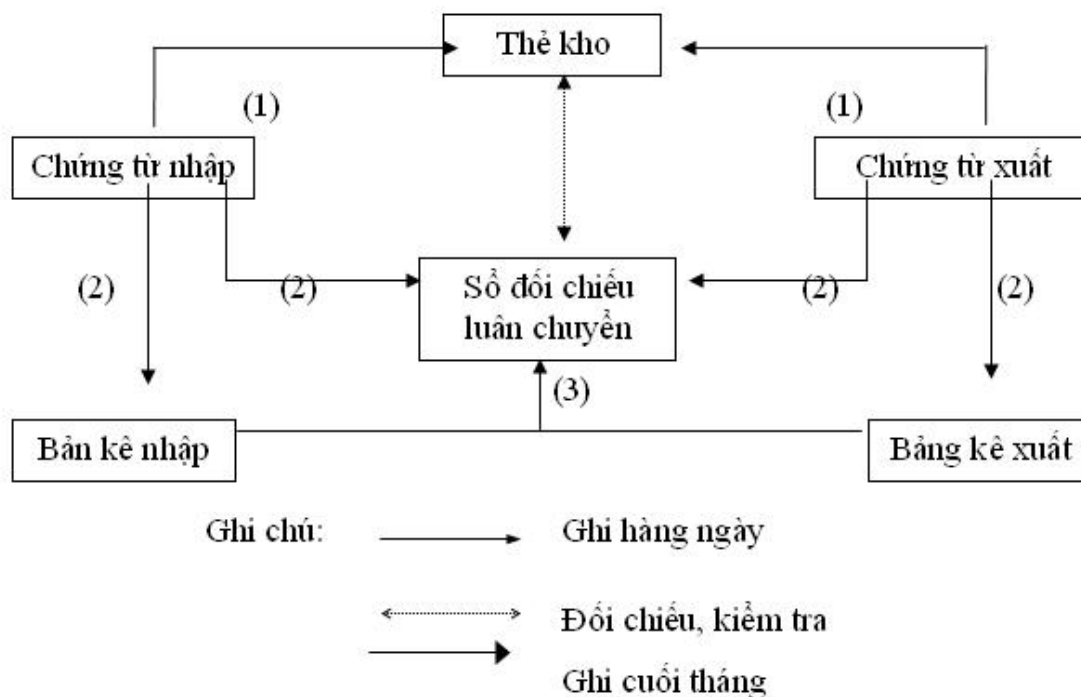
Tại kho: thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập – xuất tồn nguyên liệu, vật liệu về mặt số lượng. Mỗi chứng từ ghi một dòng vào thẻ kho. Thẻ được mở cho từng danh điểm nguyên liệu, vật liệu. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất tính ra số tồn kho về mặt lượng theo từng danh điểm vật liệu.

Tại phòng kế toán: Không mở thẻ kế toán chi tiết mà mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng thứ nguyên liệu, vật liệu theo từng kho. Sổ này ghi mỗi tháng một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất phát sinh trong tháng của từng nguyên liệu, vật liệu, mỗi thứ chỉ ghi một dòng trong sổ. Cuối tháng đối chiếu số lượng nguyên liệu, vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

Ưu điểm: giảm bớt được khối lượng ghi chép, chỉ tiến hành ghi một lần vào cuối tháng.

Nhược điểm: Việc ghi chép còn trùng lặp về số lượng. Công việc kế toán dồn vào cuối tháng, việc kiểm tra đối chiếu trong tháng giữa kho và phòng kế toán không được thực hiện do trong tháng kế toán không ghi sổ, hạn chế công tác quản lý và tính giá thành sản phẩm.

Phương pháp này không phổ biến, chỉ có những doanh nghiệp lớn, có nhiều danh điểm mới áp dụng.



Sơ đồ 1.2: Hạch toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.4.3. Phương pháp ghi sổ số dư

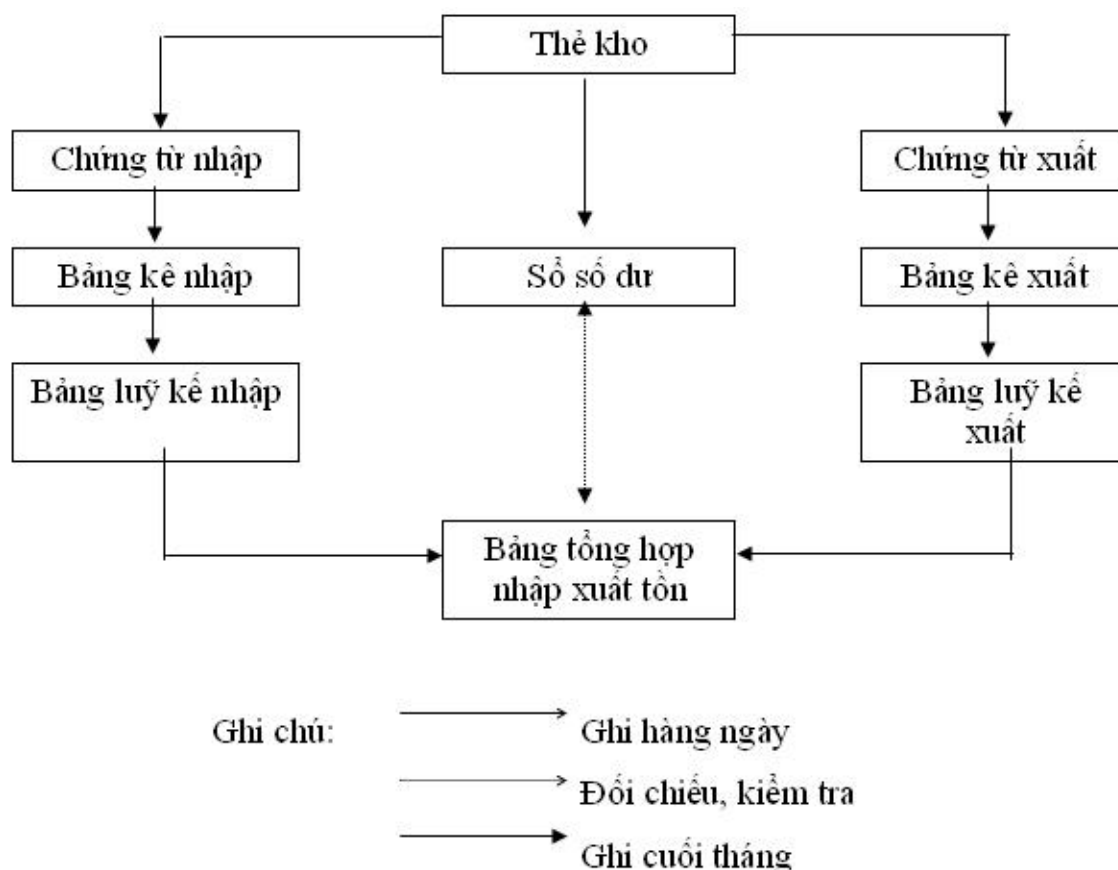
Tại kho: Ngoài sử dụng thẻ kho để ghi chép sử dụng sổ số dư để ghi chép số tồn kho cuối tháng của từng loại NLVL theo chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng sổ số dư được chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng tồn kho trên cơ sở số liệu từ thẻ kho.

Tại phòng kế toán: Định kỳ kế toán xuống kiểm tra và trực tiếp nhận chứng từ nhập xuất kho, sau đó tiến hành tổng hợp số liệu theo chỉ tiêu giá trị của NLVL nhập xuất theo từng nhóm NLVL để ghi vào bảng kê nhập xuất, tiếp đó ghi vào bảng kê lũy kế nhập xuất, đến cuối tháng ghi vào phần nhập xuất tồn của bảng kê tổng hợp. Đồng thời cuối tháng khi nhận sổ số dư từ thủ kho, kế toán tính giá trị của NLVL tồn kho để ghi vào sổ số dư, cột thành tiền số liệu này phải khớp với tồn kho cuối tháng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho cuối kỳ.

Ưu điểm: Giảm bớt được khối lượng ghi chép, kiểm tra đối chiếu tiến hành định kỳ nên bảo đảm tính chính xác, công việc dần đều trong tháng.

Nhược điểm: Do phòng kế toán chỉ theo dõi chỉ tiêu giá trị vì vậy khi nắm bắt tình hình nhập xuất tồn của thứ nguyên vật liệu nào thì phải xem trên thẻ kho, khi kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ sổ dư và bảng kê khá phức tạp nếu xảy ra sự chênh lệch.

Phương pháp này thường sử dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại NLVL hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập xuất NLVL xảy ra thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp ghi sổ sổ dư

1.5. Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.5.1. Kết cấu tài khoản 152- nguyên liệu, vật liệu

Bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê

- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua;
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác như 151- hàng mua đang đi đường, 1331-thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, 111, 112, 331...

1.5.2. Đặc điểm phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng TK nói chung và NLVL nói riêng một cách thường xuyên, liên tục. Phương pháp này được sử dụng phổ biến vì có được sự chính xác cao và cung cấp thông tin một cách kịp thời, cập nhật. Tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được nhập – xuất – tồn kho từng loại hàng tồn kho nói chung và NLVL nói riêng nhưng bên cạnh đó phương pháp này còn một số hạn chế là tốn nhiều thời gian và công sức.

1.5.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

❖ Khi mua nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 331,... (tổng giá thanh toán).

- Nếu thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị nguyên liệu, vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

❖ Kế toán nguyên liệu, vật liệu trả lại cho người bán, khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được khi mua nguyên liệu, vật liệu:

- Trường hợp trả lại nguyên liệu, vật liệu cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ.

- Trường hợp khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua nguyên liệu, vật liệu (kể cả các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế về bản chất làm giảm giá trị bên mua phải thanh toán) thì kế toán phải căn cứ vào tình hình biến động của nguyên liệu, vật liệu để phân bổ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán được hưởng dựa trên số nguyên liệu, vật liệu còn tồn kho, số đã xuất dùng cho sản xuất sản phẩm hoặc cho hoạt động đầu tư xây dựng hoặc đã xác định là tiêu thụ trong kỳ:

Nợ các TK 111, 112, 331,....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (nếu NLVL còn tồn kho)

Có các TK 154 (nếu NVL đã xuất dùng cho sản xuất, kinh doanh dở dang)

Có TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (nếu NLVL đã xuất dùng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản)

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu sản phẩm do NLVL đó cấu thành

đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ)

Có các TK 642 (NLVL dùng cho hoạt động quản lý doanh nghiệp)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

❖ Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hóa đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho doanh nghiệp thì kế toán lưu hóa đơn vào một tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

- Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hóa đơn, phiếu nhập kho để ghi vào tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

- Nếu đến cuối tháng nguyên liệu, vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hóa đơn, kế toán ghi nhận theo giá tạm tính:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán; hoặc

Có các TK 111, 112,...

- Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hóa đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường.

❖ Khi trả tiền cho người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (chiết khấu thanh toán).

❖ Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu:

- Khi nhập khẩu nguyên vật liệu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312) (nếu thuế GTGT đầu

vào của hàng nhập khẩu không được khấu trừ)

Có TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Có TK 3333 - Thuế xuất, nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu).

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

- Trường hợp mua nguyên vật liệu có trả trước cho người bán một phần bằng ngoại tệ thì phần giá trị nguyên vật liệu tương ứng với số tiền trả trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị nguyên vật liệu bằng ngoại tệ chưa trả được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm mua nguyên vật liệu.

❖ Các chi phí về thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111, 112, 331,...

❖ Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

❖ Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu để tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu đã tự chế, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.

❖ Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381).

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện trong kiểm kê, căn cứ vào quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3381)

Có các tài khoản có liên quan.

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các doanh nghiệp khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có tài khoản 338 (3381) mà doanh nghiệp chủ động ghi chép và theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

❖ Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 154- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 621- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

❖ Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

❖ Nhận vốn góp kinh doanh bằng nguyên liệu vật liệu ghi:

Nợ 152- nguyên liệu, vật liệu

Có 411- vốn kinh doanh

❖ Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê:

Mọi trường hợp thiếu hụt nguyên liệu, vật liệu trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người phạm lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

❖ Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý, căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (trừ tiền lương của người phạm lỗi)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu,

vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý).

❖ Đối với nguyên vật liệu, phế liệu ứ đọng, không cần dùng:

- Khi thanh lý, nhượng bán nguyên vật liệu, phế liệu, kế toán phản ánh giá vốn ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

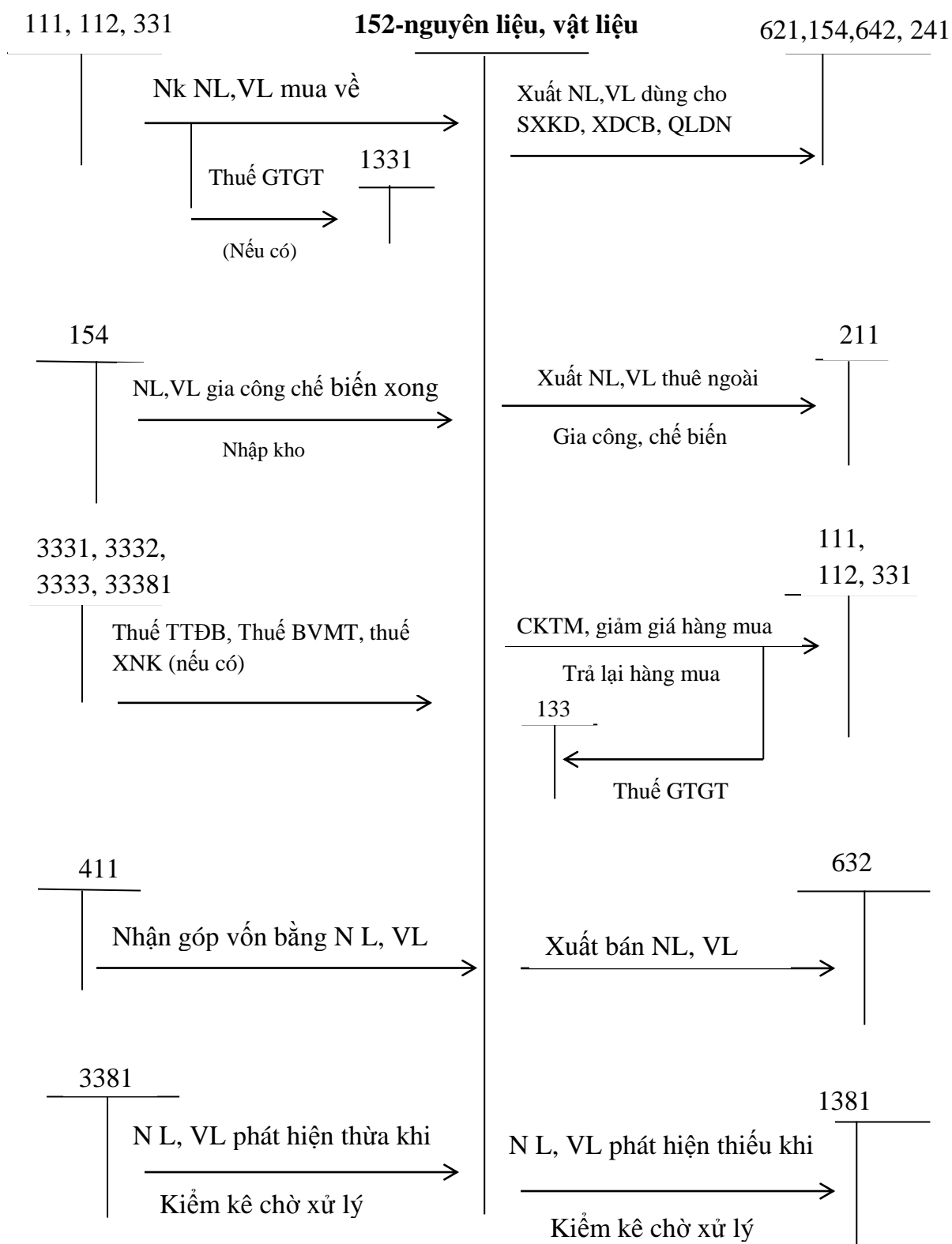
- Kế toán phản ánh doanh thu bán nguyên vật liệu, phế liệu, ghi:

Nợ các TK 111, 112, 131

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5118)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC sơ đồ hạch toán nguyên liệu, vật liệu như sau



Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên (thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN YASHI

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ Phần Yashi

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

2.1.1.1. Giới thiệu chung

- **Tên pháp định:** Công ty Cổ Phần Yashi
- **Tên giao dịch:** YASHI JOINT STOCK COMPANY
- **Tên nhà hàng:** Kangnamga restaurant
- **Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần
- **Quy mô hiện tại:** Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- **Địa chỉ trụ sở chính:** 6B, Lê Quý Đôn, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
- **Mã số thuế:** 0311288503
- **Điện thoại:** (08) 3833.3589
- **Website:** www.kangnamga.com **Email:** kangnamga@gmail.com
- **Người đại diện:** Phạm Thị Thủy
- **Giấy phép đăng ký kinh doanh:** Số 0311288503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 25/11/2011
- **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000
- **Ngày hoạt động:** 01/12/2011
- **Nghành nghề kinh doanh:** Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty thành lập ngày 25/11/2011 theo giấy phép kinh doanh số 0311288503 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo loại hình Công ty cổ phần có trụ sở chính tại 6B, Lê Quý Đôn, phường 6, quận 3, TP.HCM. Với hoạt động kinh doanh chính đó là dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động ẩm thực Hàn Quốc.

Trong những năm đầu thành lập, Công ty đã vượt qua không ít khó khăn, trở ngại cũng như sự cạnh tranh gắt gao của những nhà hàng khác, nhu cầu của thực khách ngày càng cao cũng như khó tính hơn trong việc ăn uống. Tuy nhiên, với sự đồng lòng của cán bộ,

nhân viên và sự quản lý chặt chẽ từ khâu nhập nguyên liệu cho đến chế biến bảo quản đảm bảo được độ tươi ngon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Cho đến nay, tên tuổi của nhà hàng đã có chỗ đứng vững chắc trong lòng các thực khách gần xa, góp phần tăng thu nhập, giải quyết vấn đề việc làm cho một số lao động, cải thiện đời sống nhân viên. Góp phần đưa ẩm thực Hàn Quốc đến với đất nước Việt Nam nói chung và người dân Sài Gòn nói riêng.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1. Chức năng

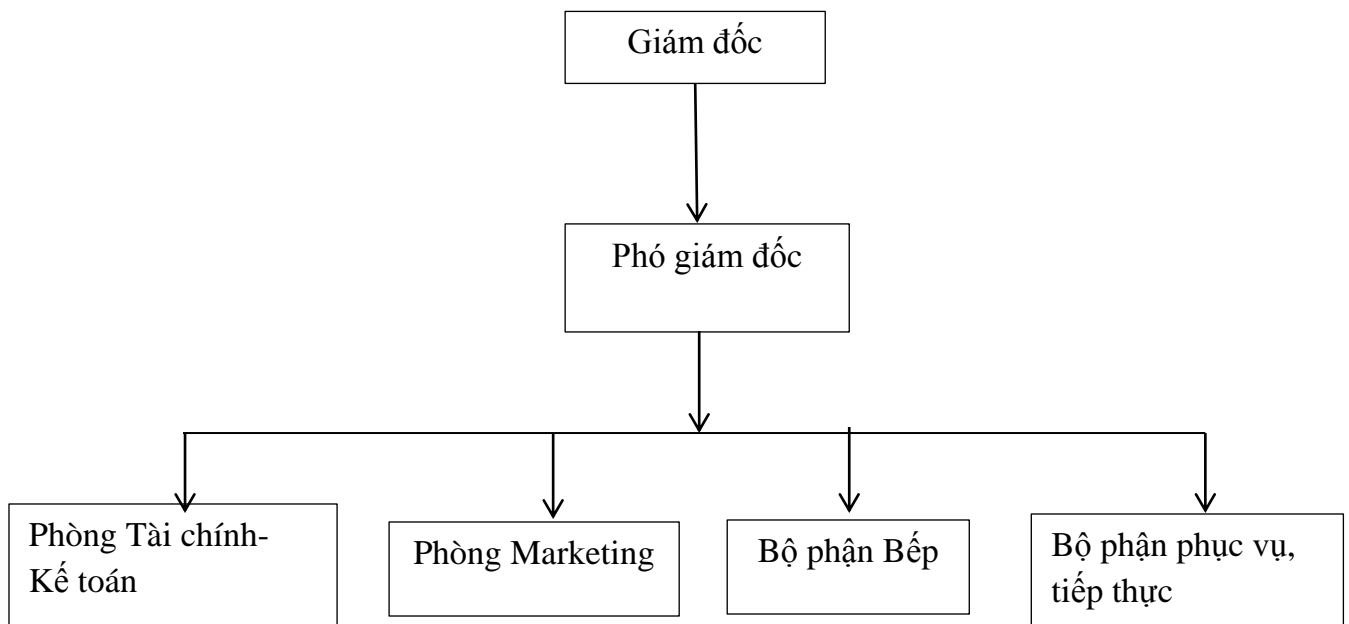
- Cung cấp dịch vụ ăn uống tại nhà hàng “KangNamGa” (bao gồm các món truyền thống của Hàn Quốc như: Cơm trộn nôi đất, canh KimChi, canh Đậu Tương, các món nướng thịt heo, thịt bò....)
- Nhận đặt bàn tiệc cho các buổi liên hoan, tiệc tùng sinh nhật của các Công ty, tổ chức, cá nhân, các tour, đoàn du khách từ Hàn Quốc qua Việt Nam.
- Dịch vụ giao thức ăn tận nơi, lưu động các sự kiện ngoài trời.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

- Về mặt kinh doanh: Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh phù hợp với nhu cầu, tình hình thị trường, khả năng phát triển và mở rộng thị trường của Công ty. Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch đã đề ra
 - Về mặt xã hội: không ngừng đào tạo, bồi dưỡng tay nghề, nâng cao uy tín, tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác, thái độ niềm nở, vui vẻ của công nhân viên. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn phát triển vốn đầu tư.
 - Nghĩa vụ đối với nhà nước: Trên cơ sở kinh doanh có hiệu quả làm tròn nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước, với địa phương bằng cách nộp đầy đủ các khoản thuế, phí cho Nhà nước.
 - Bảo vệ môi trường, an ninh chính trị: Chấp hành đúng quy định về phòng cháy chữa cháy, thực hiện an toàn phòng chống cháy nổ. Hoạt động kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật, hạch toán và báo cáo trung thực theo chế độ Nhà nước quy định

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

2.1.3.1. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ Phần Yashi.

2.1.3.2. Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận

❖ Giám đốc

- Chức năng:

Giám đốc là người lãnh đạo cao nhất và là người đại diện về mặt pháp lý của Công ty, đồng thời cũng là người chịu trách nhiệm trực tiếp đến toàn bộ hoạt động kinh doanh và đưa ra các quyết định, các phương hướng hoạt động của Công ty.

- Nhiệm vụ:

Điều hành, tổ chức, giám sát các hoạt động của Công ty, nghiên cứu về chiến lược đầu tư, chính sách đối với khách hàng lớn. Xét duyệt các đề án kinh doanh, kế hoạch kinh doanh do các phòng ban đề xuất lên.

❖ Phó giám đốc

- Chức năng:

Là người trợ thủ đắc lực cho Giám đốc, tham mưu cho giám đốc trong các vấn đề cần thiết, thay thế Giám đốc điều hành Công ty và có trách nhiệm pháp lý trước pháp luật khi Giám đốc vắng mặt đi công tác.

- Nhiệm vụ:

Theo dõi giám sát tổ chức trong công ty, đề xuất các phương án kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mặt công tác tổ chức hành chính và người lao động.

❖ **Phòng Tài chính – Kế toán**

- Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc Công ty thực hiện các hợp đồng kinh tế phù hợp với chức năng, quy mô hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi hoạt động tài chính của Công ty, sử dụng đúng mục đích, an toàn và có hiệu quả mọi nguồn vốn của Công ty. Tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước, pháp luật và các Bộ ngành liên quan.

- Nhiệm vụ:

Tổ chức bộ máy kế toán trong Công ty cho phù hợp với quy mô, tổ chức và tình hình kinh doanh của Công ty.

Quản lý các khoản thu, chi đồng thời thống kê phân tích lãi lỗ giá thành và kết quả kinh doanh của Công ty.

Lập kế hoạch tài chính hàng năm về doanh thu, chi phí, lợi nhuận của các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, kế hoạch nộp thuế và các khoản nộp khác cho Ngân sách của Công ty.

Theo dõi các hợp đồng kinh tế của Công ty đã ký kết đối với các vấn đề liên quan đến công tác tài chính.

Thực hiện việc nộp báo cáo tài chính về cơ quan và các ngành chức năng có liên quan.

Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác trong Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động tổ chức hạch toán kế toán được đều đặn, đầy đủ và hợp lý cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho từng phòng ban có liên quan.

❖ **Phòng Marketing**

- Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc thực hiện các hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm khai thác tích cực đơn vị khách hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, quảng bá hình ảnh của công ty.

- Nhiệm vụ:

Lập kế hoạch quảng cáo theo từng thời kì, lập bảng báo giá và lập báo cáo hoạt động theo tháng, quý.

Lập kế hoạch và tổ chức các chương trình tiếp thị sản phẩm và thị trường mới, thăm dò thị trường, tìm hiểu nhu cầu của thực khách để đề xuất các phương án kinh doanh, quảng cáo hình ảnh nhằm mở rộng thị trường và cạnh tranh với các Công ty khác.

❖ Bộ phận bếp

- Chức năng:

Đề xuất các món ăn mới theo phong cách ẩm thực của Nhà hàng, cải tiến cách chế biến cũng như nêm nếm gia vị, nguyên liệu phù hợp với những nghiên cứu, lấy ý kiến của thực khách tới nhà hàng

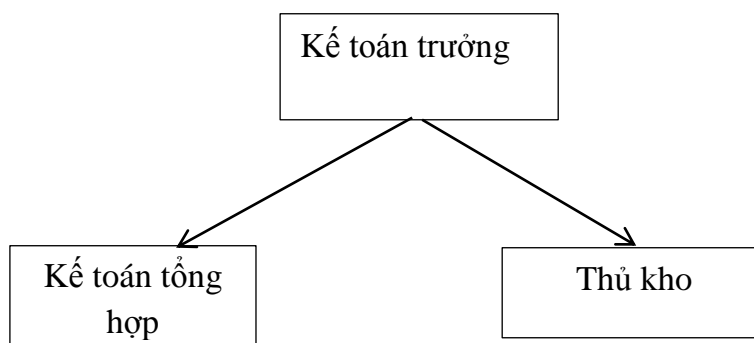
- Nhiệm vụ:

Chế biến các món ăn theo yêu cầu của khách hàng, đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh và an toàn thực phẩm. Bài trí đẹp mắt thu hút.

❖ **Bộ phận phục vụ- tiếp thực:** Thực hiện theo chỉ thị của cấp trên giao xuống, thực hiện các yêu cầu của khách hàng, phục vụ chu đáo với phương châm “Tinh tế -chất lượng-vui vẻ”, bao gồm các công việc lên món đồ ăn, thức uống cho khách, dọn dẹp vệ sinh và set up khi khách hàng ra về.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Cơ cấu bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán tại Công ty

2.1.4.2. Nhiệm vụ của từng phần hành kế toán

❖ Kế toán trưởng:

- + Là người quản lý công tác kế toán tài chính của Công ty. Bố trí giám sát hoạt động của các nhân viên trong phòng kế toán, giúp Giám đốc theo dõi tình hình tài chính của Công ty.
- + Tổ chức hệ thống tài khoản, phương pháp hạch toán thích hợp với tình hình của công ty. Chịu trách nhiệm về báo cáo thuế, báo cáo tài chính...
- + Thực hiện kiểm tra, giám sát bảo đảm tính kịp thời, chính xác, trung thực của việc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong sổ sách kế toán và các hồ sơ liên quan vào cuối tháng, cuối quý cuối năm.
- + Triển khai thực hiện việc quyết toán thuế với cơ quan thuế.

❖ Kế toán tổng hợp:

- + Tổ chức chỉ đạo công tác hạch toán kế toán của Kế toán trưởng và Giám đốc.
- + Cập nhật các chính sách mới về thuế.
- + Tổng hợp tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng cách ghi vào sổ kế toán tổng hợp là sổ nhật ký chung và sổ cái.
- + Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh và tính giá thành sản phẩm. Tính kết quả kinh doanh cho từng hoạt động của doanh nghiệp.
- + Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế các báo cáo thống kê.

❖ Thủ kho:

+ Phản ánh chính xác kịp thời tình hình mua sắm, cung cấp nguyên liệu vật liệu dựa trên các tiêu chí: số lượng, chất lượng, giá trị thời gian cung cấp lập các bảng kê, biên bản giao nhận hàng.

+ Theo dõi ghi chép, quản lý nguyên liệu vật liệu. Đảm bảo sự chính xác tình hình tăng, giảm nguyên liệu, vật liệu

2.1.4.3. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty**

2.1.4.3.1. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty Cổ Phần Yashi hiện đang áp dụng Chế độ kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 14/09/2006.

2.1.4.3.2. Chính sách kế toán

Niên độ kế toán: từ ngày **01/01** đến ngày **31/12**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là **Đồng Việt Nam**, khi có phát sinh nghiệp vụ kinh tế liên quan ngoại tệ thì công ty sẽ quy đổi Đồng Việt Nam theo tỷ giá của Ngân hàng tại thời điểm hiện tại.

Chế độ báo cáo tài chính áp dụng theo quyết định số **48/2006/QĐ-BTC** của Bộ Tài Chính, các mẫu báo cáo tài chính:

- | | |
|---|--------------------------|
| - Bảng Cân đối kế toán: | Mẫu số B 01 - DNN |
| - Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: | Mẫu số B 02 - DNN |
| - Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: | Mẫu số B 09 - DNN |

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu sau:

- | | |
|------------------------------|--|
| - Bảng Cân đối tài khoản: | Mẫu số F 01- DNN |
| - Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03-DNN (báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập) |
- Công ty nộp thuế GTGT theo **phương pháp khấu trừ**
 - Phương pháp tính giá xuất kho: **Bình quân gia quyền**
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: **Kê khai thường xuyên**
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: **theo phương pháp đường thẳng**

- Tính giá thành sản phẩm: **theo phương pháp giản đơn**

2.1.4.3.3. Hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 do Bộ Tài Chính ban hành và dựa vào tính chất, đặc thù hoạt động của Công ty cũng như các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để đề ra hệ thống tài khoản của Công ty với tiêu khoản chi tiết hơn.

2.1.4.3.4. Chứng từ kế toán

Công ty cung cấp dịch vụ ăn uống, phục vụ lưu động nên các hóa đơn thường theo hạng mục thương mại- dịch vụ:

Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT) là hóa đơn GTGT-KT và thuế suất thuế GTGT của Công ty xuất cho đơn vị khác là 10%

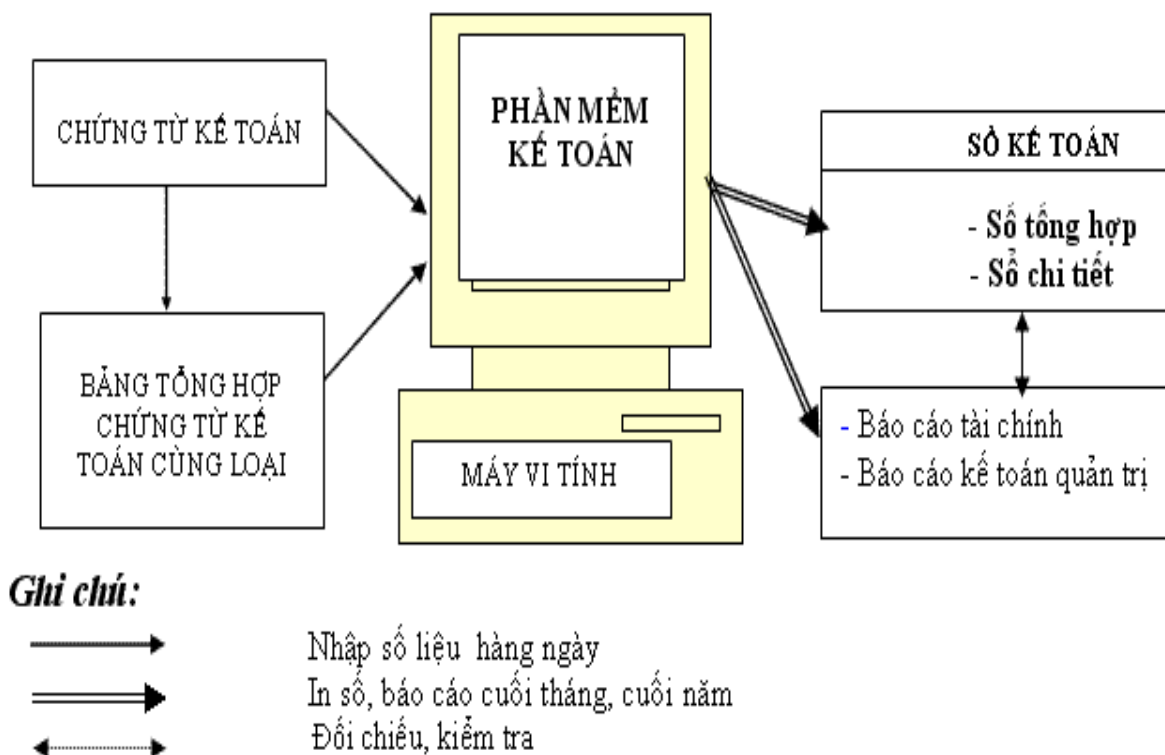
Ngoài ra Công ty còn sử dụng thêm hóa đơn đầu vào, sổ phụ ngân hàng, phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, xuất kho để làm chứng từ bổ sung cho chứng từ gốc.

Hóa đơn chứng từ được phân loại để dễ dàng cho việc lưu trữ, mỗi loại được sắp xếp theo từng tháng. Riêng các chứng từ của năm được lưu cũng một ngăn.

2.1.4.3.5. Hình thức kế toán sử dụng

Hiện nay Công ty Cổ phần Yashi đã đăng ký sử dụng phần mềm kế toán Gia Định trong công tác kế toán và phần mềm được sử dụng dựa trên hình thức kế toán **Nhật ký chung**. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của Công ty đều được cập nhật dữ liệu trên phần mềm kế toán và hệ thống các báo cáo chứng từ, loại sổ sách kế toán đã được lập trình sẵn trên phần mềm theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Biểu số 05
TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Sơ đồ 2.3: Hình thức kế toán trên máy vi tính

❖ Trình tự ghi sổ kế toán bằng phần mềm Gia Định:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập liệu vào máy tính theo các bảng biểu, phân mục được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán.

2.2. Thực trạng kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty Cổ Phần Yashi

2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên liệu, vật liệu

Hiện nay hoạt động chủ yếu ở Công ty là chế biến ra các món ăn phục vụ cho thực khách. Do vậy, Công ty sử dụng một lượng NLVL liên quan đến ngành ăn uống như các loại thịt, cá rau quả tươi sống và một số thực phẩm đóng hộp.

Công ty phân ra gồm NLVL chính và NLVL phụ:

Nguyên liệu, vật liệu chính là những nguyên liệu, vật liệu cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm như thịt bò, thịt gà, thịt heo, các loại sườn bò và heo, gạo, trứng gà, đậu hũ tteokbokki hàn quốc, tôm, cá, xúc xích, đậu hũ, rau củ... đều là cơ sở chủ yếu hình thành nên sản phẩm của Công ty.

Trong đó các loại rau, củ, quả được cung cấp bởi Công ty cổ phần thực phẩm Xanh, xúc xích, đậu hũ, trứng gà, gà, tteokbokki hàn quốc do công ty TNHH Sài Gòn CO.OP Đình Chiểu cung cấp, tôm sú và tôm càng mua từ Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Liên và một số loại rau sạch mua từ chợ Đầu Mối và các nhà cung cấp khác.

Vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm mà có thể kết hợp với nlvl chính để tạo sự hài hòa của món ăn, nguyên liệu, vật liệu phụ gồm muối tiêu, đậu đỏ, dầu mè, lá hẹ, ngò gai, tương ớt, nước tương hàn quốc... chủ yếu mua từ siêu thị co.opmart Đình Chiểu

Tuy nhiên theo lý thuyết thì như vậy, nhưng trong khi hạch toán các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến nguyên liệu, vật liệu thì kế toán chỉ định khoản vào một tài khoản cái là TK 152 mà không hề phân ra theo lý thuyết như trên.

2.2.2. Tính giá Nguyên liệu, vật liệu

2.2.2.1. Nguyên tắc

Nguyên liệu, vật liệu là một trong những yếu tố cấu thành nên hàng tồn kho, do đó kế toán nguyên liệu, vật liệu phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho. Đây là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên liệu, vật liệu. Áp dụng điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo quyết định của Bộ tài chính. Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. “Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi

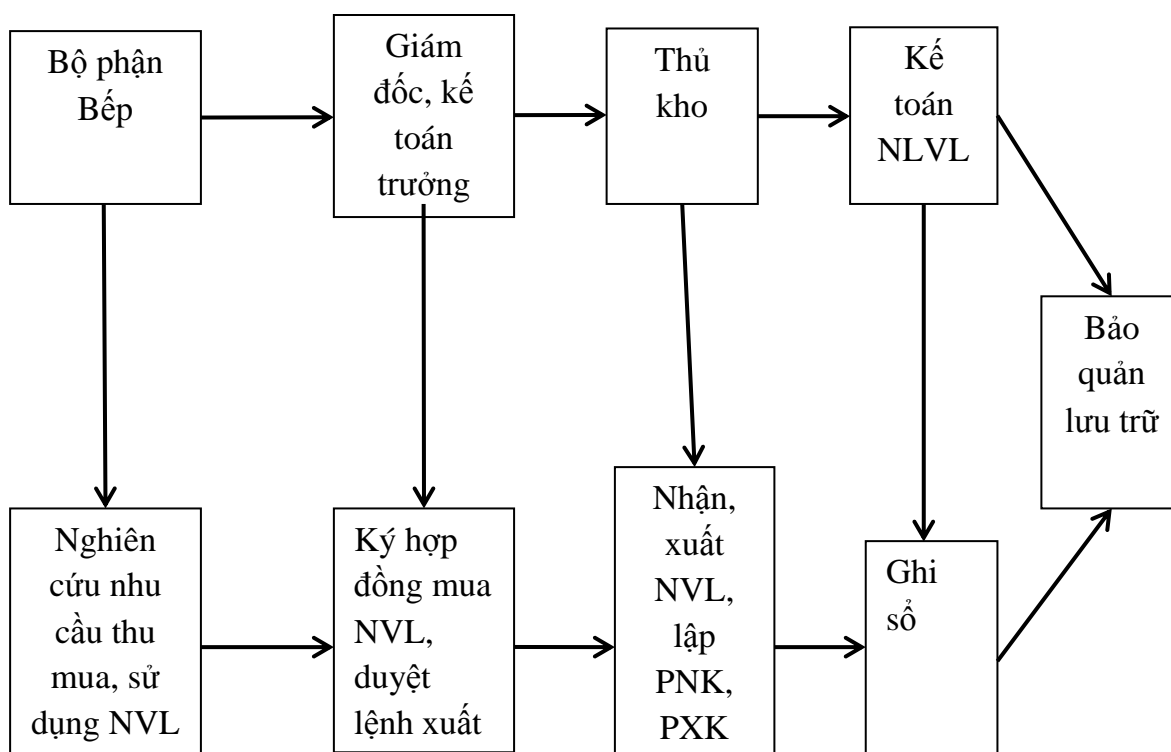
phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.”

$$\text{Giá gốc NLVL} = \text{Giá mua} + \text{Chi phí mua} - \text{Khoản giảm giá và chiết khấu thương mại}$$

2.2.2.2. Quy trình nhập kho

Khi nguyên liệu, vật liệu của công ty gần hết bộ phận bếp sẽ yêu cầu mua thêm. Nhân viên phụ trách sẽ lập phiếu đề nghị mua NLVL và chuyển lên bộ phận văn phòng xem xét. Họ sẽ liên lạc với bên bán hàng như các siêu thị, công ty thực phẩm Xanh hay Anh Duy, các nhà cung cấp nguyên liệu của công ty, yêu cầu dịch vụ giao hàng tận nơi. Hầu hết các nguyên liệu vật liệu chủ yếu là các loại thực phẩm phục vụ chế biến các món ăn (heo, bò, tôm, cá, thịt các loại...). Khi nguyên liệu, vật liệu được vận chuyển tới công ty, người giao hàng sẽ xuất trình hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho.

Chứng từ đính kèm: phiếu đề nghị mua NLVL, các mẫu giao hàng và phiếu xuất kho của Nhà cung cấp nguyên liệu vật liệu (phụ lục B)



Sơ đồ 2.4: Quy trình lập và luân chuyển chứng từ NLVL

2.2.2.3. *Tính giá nguyên liệu, vật liệu xuất kho*

Đặc điểm của việc kinh doanh nghiệp vụ nhà hàng, ăn uống là số nguyên liệu, vật liệu được dùng sẽ được kiểm kê theo từng ngày và số lượng hàng tồn kho hay xuất ra bao nhiêu đều được quản lý, tính toán khá nhanh chóng. Hiện nay công ty đang dùng phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ để tính giá nguyên liệu, vật liệu xuất kho

$$\text{Đơn giá BQGQ} = \frac{\text{Trị giá NLVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NLVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NLVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NLVL nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp có số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

2.2.3. **Mình họa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty Yashi**

Trong kỳ tháng 01/2015 phát sinh một số nghiệp vụ nhập kho nguyên liệu, vật liệu sau:

Số dư đầu kỳ: Gà: 282.720 đồng (62.000 đồng/kg)

Trứng gà Ba Huân: 211.500 đồng (23.500 đồng/hộp)

Thịt bò các loại: 12.050.355 đồng (253.000 đồng/kg)

NV1: Ngày 31/12/2014 mua thực phẩm trong tháng bao gồm các loại rau, củ, quả tháng 12 trị giá 16.011.750 (có bảng kê kèm theo). Thực phẩm được mua từng ngày, kế toán bên công ty cung cấp thực phẩm sẽ gửi bảng kê số lượng và đơn giá của từng loại thực phẩm cho kế toán bên công ty YASHI, Cuối tháng kế toán bên công ty công cấp tổng hợp tất cả các hóa đơn đã xuất trong tháng để gửi cho kế toán Công ty Yashi.

Nợ 152RT: 1.921.000 (108 kg)

Nợ 152RC: 4.433.500 (228 kg)

Nợ 152RX: 5.395.750 (306, 8 kg)

Nợ 152LN: 870.000 (145 sấp)

Nợ 152 Nấm: 2.896.500 (46, 3 kg)

Nợ 152 Mực: 495.000 (3 kg)

Có 111:16.011.750

Chứng từ đính kèm: Phiếu chi số 15/01/0113 (phụ lục B), bảng kê chi tiết hàng bán ra không chịu thuế của CTY THỰC PHẨM XANH (phụ lục B), hóa đơn GTGT số TP/13P0004557(phụ lục C), phiếu nhập kho số PN01/12/0001(phục lục D).

Kế toán dựa vào chứng từ để nhập số liệu vào từng danh điểm nguyên liệu vật liệu đã được cài đặt sẵn trong phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật, kết chuyển vào các phiếu nhập kho và phiếu chi, đồng thời ghi tăng TK 152.

NV2: Ngày 02/01/2015 mua 16 hộp trứng gà Ba Huân trị giá là 365.714 đồng, thuế suất thuế GTGT là 5%. Thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ 152 Trứng: 365.714

Nợ 1331: 18.285,7

Có 111: 383.999,7

Đính kèm hóa đơn GTGT số AB/14P0138021(phục lục C), phiếu chi số 14/12/0078 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN02/01/0004 (phục lục D).

Kế toán dựa vào chứng từ để nhập số liệu vào từng danh điểm nguyên liệu vật liệu đã được cài đặt sẵn trong phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật, kết chuyển vào các phiếu nhập kho và phiếu chi, đồng thời ghi tăng TK 152.

NV3: Ngày 03/01 mua 4.364 kg gà thả vườn trị giá 249.371,43 đồng thuế suất thuế GTGT là 5%.

Nợ 152GA: 249.371,43

Nợ 1331: 12.468,57

Có 111: 261.840

Đính kèm hóa đơn GTGT số AB/14P0138309 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0018 (phụ lục B), Phiếu nhập kho số PN03/01/0005 (phục lục D)

Kế toán dựa vào chứng từ để nhập số liệu vào từng danh điểm nguyên liệu vật liệu đã được cài đặt sẵn trong phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật, kết chuyển vào các phiếu nhập kho và phiếu chi, đồng thời ghi tăng TK 152.

NV4: Ngày 05/01 mua trứng gà Ba Huân 18 hộp giá 411.429 đồng, thuế suất 5%, mua đậu hũ 32 hộp trị giá 141.274 đồng thuế suất 10% tại Co.op Đình Chiểu đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ 152 Trứng: 411.429

Nợ 1331 Trứng: 20.571

Có 111: 432.000

Nợ 152 Đậu: 141.274

Nợ 1331 Đậu: 14.127,4

Có 111: 155.401,4

Đính kèm hóa đơn GTGT số AB/14P0138841(phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0020 (phục lục B) và hóa đơn GTGT AB/14P0138842(phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0021 (phục lục B), và phiếu nhập kho số PN05/01/008 (phụ lục D).

Kế toán dựa vào chứng từ để nhập số liệu vào từng danh điểm nguyên liệu vật liệu đã được cài đặt sẵn trong phần mềm kế toán (như trứng Ba Huân vĩ, Đậu hũ non), phần mềm sẽ tự động cập nhật, kết chuyển vào các phiếu nhập kho và phiếu chi, đồng thời ghi tăng TK 152.

Tương tự cho các nghiệp vụ mua nguyên liệu vật liệu của những ngày tiếp theo, kế toán theo dõi, lưu trữ chứng từ và nhập liệu vào phần mềm.

NV5: Ngày 07/01. Mua đậu hũ 23 hộp có giá 73.182 đồng, thuế suất 10%.

Nợ 152 Đậu: 73.182

Nợ 1331: 7.318,2

Có 111: 80.500,2

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0139950 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0024(phụ lục B), phiếu nhập kho số PN07/01/0010(phụ lục D)

NV6: Ngày 08/01. Mua gà 6,178 kg trị giá 394.480 đồng thuế suất thuế GTGT 5% (19.724 đồng)

Nợ 152GA: 394.480

Nợ 1331: 19.724

Có 111: 414.204

Đính kèm hóa đơn AB/14P0000789 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0025 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN08/01/0013 (phụ lục D).

NV7: Ngày 09/01, mua 7,0484 kg gà nguyên con trị giá 389.131,43 và trứng gà Ba Huân 16 hộp trị giá 365.714,2. Thuế suất thuế GTGT là 5%. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Nợ 152GA: 389.131,43

Nợ 152 Trứng: 365.714,2

Nợ 1331: 37.742

Có 111: 792.587,63

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0001111(phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0028(phụ lục B), phiếu nhập kho số PN09/01/0014 (phụ lục D).

NV8: Ngày 10/01. Mua đậu hũ 34 hộp giá 170.364 đồng, thuế suất 10% (17.036)

Nợ 152 Đậu: 170.364

Nợ 1331: 17.036

Có 111: 187.400

Đính kèm hóa đơn số AB/14P000157 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0030 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN10/01/0016 (phụ lục D)

NV9: Ngày 12/01mua gà 3,242 kg trị giá 175.994. Thuế suất 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt

Nợ 152GA: 175.994

Nợ 1331: 8.799,7

Có 111: 184.799,7

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0002432 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0081 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN12/01/0017 (phụ lục D)

NV10: Ngày 17/01 mua trứng gà Ba Huân 15 hộp giá 342.857 đồng, thuế suất 5%

Nợ 152 Trứng: 342.857

Nợ 1331: 17.142,85

Có 111: 359.999,85

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0004851 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0084 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN17/01/0020 (phụ lục D).

NV11: Ngày 18/01 mua đậu hũ trị giá 225.000 đồng 45 hộp, thuế suất 10%. Đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Nợ 152Đậu: 225.000

Nợ 1331: 22.500

Có 111: 247.500

Đính kèm hóa đơn số AB/14P 0000196 (phụ lục C), phiếu chi số PC/15/01/0087 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN18/01/0022 (phụ lục D)

NV12: Ngày 20/01 mua gà 6,202 kg trị giá 354.400 đồng , thuế suất 5%. Đã thanh toán.

Nợ 152GA: 354.400

Nợ 1331: 17.720

Có 111: 372.120

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0001408 (phụ lục C), phiếu chi số PC/15/01/0094 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN20/01/0024 (phụ lục D).

NV13: Ngày 22/01 mua gà 9,264kg, giá 651.103, thuế 5% (32.555)

Nợ 152GA: 651.103

Nợ 1331: 32.555

Có 111: 683.658

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0002435 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0095(phụ lục B), phiếu nhập kho số PN22/01/0027 (phụ lục D).

NV14: Ngày 23/01 mua trứng gà Ba Huân 11 hộp giá 251.428,57 thuế suất 5% (12.571,43)

Nợ 152 Trứng: 251.428,57

Nợ 1331: 12.571,43

Có 111: 264.000

Đính kèm hóa đơn AB/14P0002979 (phụ lục C), phiếu chi số PC/15/01/0098(phụ lục B), phiếu nhập kho số PN23/01/0028 (phụ lục D).

NV15: Ngày 28/01/ mua gà 5,545 kg có giá 393.723 đồng, thuế suất 5%. Đã thanh toán cho người bán bằng tiền mặt.

Nợ 152GA: 393.723

Nợ 1331: 19.663,65

Có 111: 413.386,65

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0005608 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0104 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN28/01/0030 (phụ lục D).

NV16: Ngày 29/01 nhập kho 74,6kg thịt bò các loại từ nhà cung cấp Công ty TNHH MTV XNK Khánh Linh trị giá chưa thuế GTGT là 18.060.000 đồng, thuế suất thuế GTGT là 10%. Đã thanh toán cho nhà cung cấp.

Nợ 152TBO: 18.060.000

Nợ 1331: 1.806.000

Có 111:

19.866.000

Đính kèm hóa đơn GTGT số KL/13P0004249 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/01017 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN29/01/003 (phụ lục D).

NV17: Ngày 30/01 mua trứng gà Ba Huân 3 hộp trị giá 82.727 đồng, thuế suất 5%. Đã thanh toán.

Nợ 152 Trứng: 82.727

Nợ 1331: 4.136,35

Có 111: 86.863,35

Đính kèm hóa đơn số AB/14P0006789 (phụ lục C), phiếu chi số PC15/01/0112 (phụ lục B), phiếu nhập kho số PN30/01/0034 (phụ lục D).

Cuối tháng, hoặc bất kỳ khi nào kế toán trưởng, hoặc Ban Giám đốc có yêu cầu xem số liệu thì kế toán tiến hành cập nhật giá vốn, chi phí để phần mềm tự động kết chuyển vào các sổ chi tiết, sổ nhật ký chung.

Tình hình xuất kho nguyên liệu, vật liệu như sau:

XK1: Ngày 04/01 xuất kho 5.5 kg gà, 10 hộp trứng gà Ba Huân, 11 hộp đậu hũ, 20kg thịt bò các loại dùng cho chế biến.

XK2: ngày 13/01 xuất kho 23kg rau thơm, 12kg nấm các loại, 34sấp lá nhíp, 20kg rau củ, 13kg thịt bò các loại dùng cho chế biến sản phẩm.

XK3: 22/01 xuất kho 7,8kg gà, 45kg rau xanh, 21 hộp trứng gà Ba Huân, 15 hộp đậu hũ, 20,5kg thịt bò các loại dùng cho chế biến.

XK4: 31/01 xuất kho 6 hộp trứng gà, 9 kg nấm các loại, 30,75kg thịt bò các loại dùng cho chế biến.

Đính kèm mẫu yêu cầu xuất kho của bộ phận bếp (phụ lục B)

Theo nguyên tắc mọi tình hình biến động nhập, xuất nguyên liệu vật liệu xảy ra đều được kế toán ghi nhận và nhập vào phần mềm kế toán.

Công ty tính giá xuất kho nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

Dựa vào các phiếu nhập kho của các loại thực phẩm trong kỳ để ta lấy trị giá và số lượng qua mỗi lần nhập kho nguyên liệu, vật liệu để tính đơn giá xuất của từng loại như sau:

Đơn giá xuất của các loại nguyên liệu, vật liệu:

$$GÀ = \frac{282.720+249.371,43+394.480+389.131,43+175.994+354.400+651.103+393.723}{4,56+4,364+6,178+7,0484+3,242+6,202+9,264+5,545} = 62.299,807đ$$

Các số liệu tính giá được lấy từ các hóa đơn GTGT mua nguyên liệu vật liệu trong kỳ, đính kèm phụ lục C

$$TRÚNG = \frac{211.500+365.714+411.429+365.714,2+342.857+251.428,57+82.727}{9+16+18+16+15+11+3} = 23.083,75đ/hộp$$

Các số liệu tính giá được lấy từ các hóa đơn GTGT mua nguyên liệu vật liệu trong kỳ, đính kèm phụ lục C

$$ĐẬU HŨ = \frac{141.274+73.182+170.364+225.000}{32+23+34+45} = 4.551đ/hộp$$

Các số liệu tính giá được lấy từ các hóa đơn GTGT mua nguyên liệu vật liệu trong kỳ, đính kèm phụ lục C

$$THỊT BÒ = \frac{12.050.355+18.060.000}{47,63+74,6} = 246.341,77 \text{ đồng/kg}$$

Các số liệu tính giá được lấy từ các hóa đơn GTGT mua nguyên liệu vật liệu trong kỳ, đính kèm phụ lục C

Bởi vì các loại rau, củ, quả không có tồn kho đầu kì nên kế toán tính giá bình quân bằng cách lấy tổng trị giá nhập trong kỳ chia cho tổng số lượng nhập của từng danh điểm nguyên liệu, vật liệu để tính giá xuất kho tương ứng. **(Bảng kê số lượng nhập thực phẩm của Công ty Thực Phẩm Xanh –Phụ lục B)**

Rau thơm: 17.787 đ/kg

Rau xanh: 17.587, 2đ/kg

Rau củ: 19.445, 18đ/kg

Lá nhíp: 6.000đ/sấp

Nấm: 62.559đ/kg

Trị giá xuất kho dùng cho chế biến sản phẩm:

GÀ: $13, 3 \times 62.299,807 = 828.577,86$ đồng

TRÚNG: $37 \times 23.083,75 = 854.098,75$ đồng

ĐẬU HŨ: $26 \times 4.551 = 118.326$ đồng

THỊT BÒ: $84, 25 \times 246.341,77 = 20.754.294, 12$ đồng

NẤM: $21 \times 62.559 = 1.313.739$ đồng

RAU THƠM: $23 \times 17.787 = 409.101$ đồng

RAU XANH: $45 \times 17.587,2 = 791.424$ đồng

RAU CỦ: $20 \times 19.455,18 = 389.103,6$ đồng

LÁ NHIẾP: $34 \times 6.000 = 204.000$ đồng

Tổng: 25.662.664, 33 đồng

Kế toán định khoản nghiệp vụ xuất kho sản xuất:

Nợ 621: 25.523.589, 83

Có 152GA: 828.577,86

Có 152TRUNG: 854.098, 75

Có 152TBO: 20.754.294, 12

Có 152ĐHU: 118.326

Có 152NAM: 1.313.739

Có 152RTHOM: 409.101

Có 152RXANH: 791.424

Có 152RCU: 389.103,6

Có 152LNHIEP: 2.014.000

**Chứng từ đính kèm phiếu xuất kho nguyên liệu vật liệu tháng 01/2015 số
PX31/01/0001**

Kế toán ghi sổ:

Hàng ngày, khi có các nghiệp vụ xuất kho nguyên liệu, vật liệu kế toán căn cứ vào phiếu đề nghị xuất kho của bộ phận bếp, dựa vào phiếu báo cáo xuất – tồn kho NLVL của thủ kho để ghi nhận nghiệp vụ xuất kho, nhập liệu vào phần mềm kế toán theo trình tự thời gian. Phần mềm sẽ kết chuyển tự động vào phiếu xuất kho, sổ chi tiết TK 152, sổ cái tài khoản, sổ nhật ký chung. Cuối tháng kế toán tiến hành thao tác kết chuyển chi phí nguyên liệu, vật liệu vào sổ liên quan sổ TK154, TK 911. Tính giá thành và để tính chi phí xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Sổ sách đính kèm: Sổ chi tiết và sổ cái TK 152, sổ chi tiết tài khoản 111, sổ nhật ký chung tháng 01(phụ lục A)

Hầu như trong Công ty không có trường hợp nhập khẩu nguyên liệu, vật liệu từ nước ngoài. Lượng nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ cũng không nhiều vì trong ngày xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh bao nhiêu thì lượng nguyên liệu vật liệu cũng tương đương nếu trong kho hết bộ phận bếp có thể đi mua ngay vì các loại nguyên liệu, vật liệu mà doanh nghiệp sử dụng rất phổ biến, có bán tại các hệ thống siêu thị trên cả nước hoặc tại các chợ.

Trường hợp nhập nguyên liệu, vật liệu do các nhà cung cấp khác giao tới như Công ty Thực Phẩm Xanh, Công ty XNK Khánh Linh trước khi đưa vào nhập kho bộ phận bếp và thủ kho sẽ xem xét, kiểm tra chất lượng thực phẩm, nguyên liệu được giao về sắc thái, màu sắc, chất lượng (đối với các loại thịt thì phải có giấy kiểm định chất lượng) nếu đạt yêu cầu thì mới chấp nhận nhập kho.

Trường hợp nhà cung cấp giao hàng không đúng với số lượng trong hóa đơn thì kế toán gọi điện thông báo cho nhà cung cấp tìm nguyên nhân và thống nhất giải pháp dựa trên sự đồng ý của Ban Giám Đốc.

CHƯƠNG 3 : NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN LIỆU VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN YASHI

3.1. Những kết quả đạt được thông qua việc nghiên cứu công tác kế toán tại Công ty cổ phần Yashi

Qua thời gian ngắn thực tập tại Công ty Cổ Phần Yashi, với sự giúp đỡ, hỗ trợ nhiệt tình của các anh chị trong Công ty em đã có thời gian làm quen với môi trường làm việc văn phòng, làm quen với công việc của một người kế toán, có điều kiện tìm hiểu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để từ đó nhận ra sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế luôn có khoảng cách nhất định.

Em đã học hỏi được rất nhiều điều bổ ích, tích góp được một số hiểu biết sơ bộ về những công việc mà một kế toán phải làm hàng ngày. Vận dụng được những kiến thức đã học vào thực tế công việc.

3.2. Những ưu điểm và hạn chế tại bộ phận kế toán của Công ty

Công ty cũng mới thành lập trong vài năm gần đây, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh với nhiều khó khăn biến động bất lợi sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nhưng Công ty Cổ phần Yashi vẫn nỗ lực cố gắng và đạt được những thành tích đáng ghi nhận. Cụ thể như sau:

3.2.1. Ưu điểm

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty theo hình thức tập trung, có kế toán trưởng và kế toán tổng hợp vì vậy tất cả các công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng, quý, năm đều tập trung giải quyết tại phòng kế toán nên đảm bảo được tính thống nhất, chặt chẽ việc xử lý và cung cấp thông tin được thuận tiện và hiệu quả, nhờ đó mà Công ty sẽ dễ dàng trong việc quản lý, theo dõi và chỉ đạo công tác kế toán một cách có hệ thống.

Thứ hai, về hình thức kế toán

Việc lựa chọn hình thức kế toán trên máy tính được thiết kế theo hình thức Nhật ký chung rất phù hợp với đặc điểm bộ máy kế toán và tình hình hạch toán tại công ty. Khi

có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán sẽ hạch toán theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên sổ nhật ký chung, sau đó từ sổ nhật ký chung sẽ hạch toán vào sổ cái, ngoài ra còn có các sổ kế toán chi tiết. Đây là hình thức sổ được sử dụng khá phổ biến hiện nay vì nó đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, thuận tiện cho việc phân công công việc trong phòng kế toán.

Công ty hiện đang sử dụng phần mềm kế toán Gia Đăng để hoạch toán các nghiệp vụ nên đã giảm tải được việc ghi chép cho nhân viên kế toán. Phần mềm kế toán Gia Đăng đơn giản, dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Thứ ba, về luân chuyển chứng từ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi nhận đầy đủ, kịp thời và chính xác với chứng từ gốc. Công tác lưu trữ chứng từ được thực hiện một cách khoa học, chứng từ được sắp xếp theo loại chứng từ, theo thời gian một cách hợp lý.

Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán vào hạch toán, hệ thống sổ, báo cáo được thiết lập sẵn trên phần mềm do đó số liệu được rút trích tự động và luồng thông tin giữa các phòng ban được cung cấp nhanh chóng, chính xác là tiền đề Ban Giám Đốc ra quyết định, tránh tình trạng tiêu cực trong quản lý.

Thứ tư, về kế toán nguyên liệu, vật liệu tại đơn vị

❖ Về chứng từ kế toán:

Để xác định được giá vốn nguyên liệu, vật liệu bộ phận kế toán sử dụng chứng từ như: Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu chi, bảng kê xuất, nhập, tồn kho. Công tác lập, luân chuyển và bảo quản lưu trữ chứng từ đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, chứng từ luôn có đầy đủ nội dung. Việc sắp xếp chứng từ khoa học khiến cho quá trình tra cứu số liệu kế toán dễ lên sổ sách, tiến hành xác định giá xuất, giá vốn nguyên liệu, vật liệu được nhanh chóng, chính xác hơn.

❖ Về phương pháp hạch toán:

Cách xác định giá gốc nguyên liệu, vật liệu của công ty đơn giản, thuận lợi, áp dụng chuẩn mực hàng tồn kho số 02 để xác định cho chính xác.

Khi tiến hành xuất kho cho sản xuất kinh doanh kế toán hạch toán và tính giá đúng với chuẩn mực và quy định mà Công ty đang áp dụng theo quy định của Bộ Tài Chính.

Thứ năm, về đội ngũ nhân viên của Công ty

Kế toán viên của Công ty tuy có một người nhưng là người năng động sáng tạo với nhiều năm kinh nghiệm làm kế toán tổng hợp cho một số công ty. Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán ứng dụng, có kiến thức về kinh tế, tài chính vững vàng nên kế toán của công ty luôn xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhanh chóng, kịp thời độ chính xác cao, phục vụ tốt cho công tác quản trị.

Tóm lại, những kết quả mà Công ty đã đạt được trong năm qua là đáng khích lệ, trong điều kiện nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Công ty vẫn ký được các hợp đồng với các công ty du lịch, các tour từ Hàn Quốc qua Việt Nam...

Công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên liệu, vật liệu nói riêng nhìn chung đã tuân thủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành quy định về mở sổ kế toán, ghi chép và sử dụng các chứng từ liên quan... để đảm bảo các số liệu kế toán luôn được phản ánh chính xác, nhanh chóng và kịp thời, góp phần giúp các nhà quản trị Công ty trong việc hoạch định chính sách kinh doanh trong thời gian tới.

3.2.2. Nhược điểm

Bên cạnh những thành quả đạt được vừa nêu trên thì tình hình quản lý và công tác kế toán của Công ty vẫn còn tồn tại nhiều điểm hạn chế sau đây:

❖ Về bộ máy kế toán tại Công ty:

Công ty chỉ có một kế toán viên vì vậy nên tất cả các phát sinh kinh tế liên quan đến tình hình kinh doanh của Công ty đều do một người làm, kế toán trưởng chỉ có trách nhiệm hướng dẫn và tổng hợp các sổ tổng hợp báo cáo tài chính cuối năm. Do đó hoạt động thu chi tại Công ty không đảm bảo được tính độc lập và thiếu chính xác trong khâu kiểm kê sổ quỹ, tiền mặt. Cũng như việc quản lý nguyên liệu, vật liệu, xuất nhập trong kỳ cũng không đảm bảo tính chính xác minh bạch.

❖ Về phần mềm kế toán:

- Công ty sử dụng phần mềm kế toán Gia Định để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nếu có quy định mới hoặc sửa đổi về hạch toán về kế toán thì phải nhờ nhà cung cấp phần mềm cập nhật, sẽ làm gián đoạn công tác hạch toán kế toán tại Công ty.

- Khi đang nhập liệu chứng từ kế toán mà muốn xem lại các chứng từ khác phải thoát ra màn hình chính, xong vô lại phần mềm vào phần mục muốn xem mới có thể xem được chứ không xem được trực tiếp ngay lúc nhập.

- Phần mềm xử lý cập nhật tồn kho, chi phí còn bị chậm hay bị treo máy. Gây ảnh hưởng tới tiến độ công việc và tâm lý của người sử dụng

- Phần đánh Unicode đánh chữ tiếng việt có một số lỗi cơ bản như đánh tiếng việt không được, một số chữ bị nhảy. Nếu muốn đổi cách gõ từ Vni sang Telex phải reset lại máy mới có thể gõ được.

- Khi xuất ra các sổ chi tiết 152, thì dòng đầu tiên ghi là phí cấp ba quyển séc mà phí này không có phát sinh trong kỳ, gây hiểu lầm, hiểu sai cho người đọc sổ.

❖ Về luân chuyển chứng từ:

Hệ thống chứng từ và quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty được thực hiện đúng quy định, tuy nhiên các hóa đơn còn bị thất lạc, nguyên nhân là do người được giao đi mua hàng và lấy hóa đơn còn bất cẩn làm rơi, làm mất hay bảo quản không kỹ lưỡng gây ra rách, ướt, hư hỏng cho hóa đơn. Do đó gây ra nhiều khó khăn trong hoạch toán một cách chính xác kịp thời.

❖ Về kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty.

- Việc hạch toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty còn một số điểm còn chưa phù hợp, theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC thì gộp chung các TK 621, 622, 627 vào TK 154 đối với các trường hợp xuất nguyên liệu, vật liệu cho sản xuất kinh doanh, tuy nhiên công ty vẫn sử dụng tài khoản 621 khi hoạch toán và trong sổ sách (được thể hiện trong phần thực trạng kế toán NLVL các nghiệp vụ xuất kho trình bày ở Chương số 2).

- Kế toán định khoản chung tất cả các loại nguyên liệu, vật liệu vào TK 152 mà không phân loại vật liệu chính, vật liệu phụ để dễ dàng quản lý.

- Vì là Công ty tư nhân nên trong kỳ các nghiệp vụ nhập kho hay xuất kho nguyên liệu, vật liệu chủ yếu do thủ kho quản lý và đưa cho kế toán tổng hợp ký tên

vào phiếu đề nghị xuất kho nên các phiếu xuất kho nhập kho không được lập ra cụ thể mà chỉ do kế toán nhập liệu rồi rồi phần mềm tự động xuất vào các phiếu nhập-xuất, thu – chi theo cài đặt sẵn trong phần mềm.

- Vì hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ -nhà hàng, nên nguyên liệu, vật liệu, thực phẩm được xuất kho chế biến hàng ngày. Kế toán chỉ hạch toán xuất kho cho cuối mỗi tháng dẫn đến không theo dõi được cụ thể tình hình xuất của từng danh điểm vật liệu, không biết nguyên liệu, vật liệu nào xuất nhiều, xuất ít, cụ thể số lượng trị giá bao nhiêu.

- Bảng kê xuất –nhập – tồn kho NLVL trong kỳ cũng do kế toán tự cân đối điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình kinh doanh và yêu cầu của cấp quản lý.

- Việc bảo quản nguyên liệu, vật liệu không được quan tâm tất cả các vật liệu tồn kho đều được bỏ vào tủ đông lạnh với nhiệt độ nhất định mà không được phân loại cụ thể, cho các loại hàng tươi sống, hay rau củ quả.

Trên đây là những đánh giá chung và cơ bản nhất về tình hình hoạt động của Công ty. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được những thành quả nhất định và bên cạnh đó cũng còn tồn tại không ít hạn chế. Để có thể đứng vững trên thị trường hiện nay và phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian sắp tới, Công ty cần có những giải pháp cụ thể để phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.3. Các đề xuất kiến nghị về kế toán nguyên liệu vật liệu tại Công ty cổ phần

Yashi

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Yashi, em đã được tiếp cận môi trường làm việc thực tế và tìm hiểu quá trình hoạt động của Công ty.

Nhìn chung cơ cấu tổ chức bộ máy và công tác kế toán tại Công ty tương đối hoàn thiện, tuân thủ quy định nhưng bên cạnh đó còn tồn tại một số điểm hạn chế. Và từ những vấn đề còn hạn chế đã nêu trên em xin đề xuất một số kiến nghị sau đây. Tuy nhiên tầm nhìn và kiến thức của em còn hạn chế nên những kiến nghị của em chỉ mang tính chất tham khảo. Và em hi vọng nó có thể giúp ích được phần nào cho kế hoạch sắp tới của Công ty.

3.3.1. Hoàn thiện bộ phận kế toán

Hiện tại, nhân sự của bộ phận kế toán còn thiếu hụt, một nhân viên kế toán phải làm hết tất cả các công việc, các phân hành kế toán tại Công ty, số lượng còn nhiều. Nên tuyển thêm nhân viên kế toán hàng tồn kho để đảm bảo công tác quản lý, hạch toán nguyên liệu, vật liệu diễn ra nhanh chóng, khách quan, và có được chính xác lượng xuất, nhập trong kỳ cũng giá cả của từng loại hàng hóa. Ngoài ra, Công ty tạo điều kiện cho các nhân viên được đào tạo thêm về các nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao hơn nữa về kiến thức kinh nghiệm thực tế. Như vậy, công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên liệu, vật liệu nói riêng sẽ chính xác và hoàn thiện hơn.

3.3.2. Hoàn thiện về phần mềm kế toán:

Khi có bất kỳ bản cập nhật, hay thay đổi thông tin trên phần mềm thì Công ty cần liên hệ sớm với nhà cung cấp phần mềm để cập nhật nâng cấp lại thông tin hoặc cài đặt lại phần không còn phù hợp.

Các chi phí về sửa chữa, nâng cấp phần mềm không phải là nhỏ nhưng không phải là quá lớn để Công ty không thể cập nhật, nâng cấp phục vụ cho Công tác kế toán được diễn ra trơn tru có hiệu quả hơn.

3.3.3. Hoàn thiện quản lý, luân chuyển chứng từ

Công ty cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ về công tác bảo quản lưu trữ chứng từ đối với từng cá nhân, đơn vị trong nội bộ Công ty.

Những quy định về thời gian tập hợp và giao nộp hóa đơn cho kế toán xử lý phải gắn liền với trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị cấp dưới. Điều này sẽ giúp cho việc luân chuyển chứng từ được nhanh chóng, không có sự mất mát chứng từ hỗ trợ phòng kế toán làm việc nhanh, kịp thời hơn. Tránh trường hợp bị cơ quan thuế phạt, hối thúc chứng từ, sổ sách.

3.3.4. Hoàn thiện kế toán nguyên liệu, vật liệu tại Công ty

- Công ty nên phân loại ra các tiểu khoản nhỏ của TK 152- nguyên liệu, vật liệu. Như TK 1521- Nguyên liệu, vật liệu chính là các loại thịt bò, thịt heo, thịt gà, đậu hũ...; 1522- nguyên liệu, vật liệu phụ bao gồm các gia vị, rau quả trang trí... giúp cho việc quản lý được dễ dàng.

- Cần phải xuất ra các phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi để thuận tiện cung cấp cho cơ quan chức năng, và đảm bảo tính minh bạch, chính xác của từng loại chứng từ.
- Các phiếu nhập kho, xuất kho, phiếu chi cần có đầy đủ chữ ký của kế toán trưởng, Ban Giám Đốc ký duyệt. Cuối ngày kế toán cần phải kiểm tra và đối chiếu số liệu sổ sách và thực tế.
- Kế toán cũng cần xem lại cách hạch toán các tài khoản liên quan đến nguyên liệu, vật liệu cho phù hợp với quy định của Bộ tài chính.

Ví dụ như: xuất kho nguyên liệu, vật liệu cho sản xuất kinh doanh, ghi :

Nợ 154- chi phí nguyên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất kinh doanh

Nợ 642- chi nguyên liệu, vật liệu dùng cho quản lý doanh nghiệp.

Có Tk 152- nguyên liệu, vật liệu

- Công ty có biện pháp bảo quản số nguyên liệu, vật liệu tồn kho, dư thừa một cách hợp lý. Tránh tình trạng hư hỏng, thối rửa làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến những loại thực phẩm khác.
- Có biện pháp kiểm kê, phân loại nguyên liệu, vật liệu, góp phần rút ngắn thời gian tìm kiếm, thất lạc cũng như có một số nhân viên không tốt có ý đồ gian lận trong công việc.

KẾT LUẬN

Công ty cổ phần Yashi mới thành lập trong vài năm nay. Tuy quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm mới thành lập chưa đạt hiệu quả cao, tình hình tài chính còn yếu kém nhưng Công ty đang dần dần cố gắng phát triển hòa nhập vào nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ, với tên nhà hàng kinh doanh là “Kangnamga” thì nguyên liệu, vật liệu là vấn đề quan trọng cốt lõi. Chính vì vậy, việc hạch toán kế toán có vai trò hết sức quan trọng và tích cực trong công tác điều hành, quản lý doanh nghiệp. Trong đó kế toán nguyên liệu, vật liệu chính xác, kịp thời đã góp phần vào việc cung cấp thông tin có độ tin cậy cao, nhằm phát hiện được những mặt mạnh và mặt yếu trong chu kỳ sản xuất kinh doanh. Đề từ đó có những biện pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu góp phần làm tăng lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó còn giúp Ban Giám Đốc vạch ra phương hướng chiến lược phát triển trong tương lai. Lựa chọn nhà cung cấp đáng tin cậy và phù hợp nhất, đảm bảo ổn định các nguồn hàng cho Công ty.

Công ty cần tập trung khai thác các mối quan hệ, mở rộng đối tượng kinh doanh của mình, để có thể làm đa dạng hơn các thành phần khách hàng . Khắc phục những yếu kém trong công tác quản lý, nâng cao trình độ quản lý, tăng cường tiếp thu thông tin, sử dụng hiệu quả lao động.

Từ những vấn đề còn tồn đọng và dựa trên kiến thức cơ bản của mình về kế toán nguyên liệu, vật liệu tại công ty cổ phần Yashi, em đã trình bày quan điểm cá nhân bằng một số kiến nghị nhằm tăng cường năng lực tài chính, hiệu quả quản lý nguyên liệu, vật liệu, giảm thiểu chi phí và em cũng hi vọng rằng những giải pháp đó sẽ góp phần làm cho Công ty phát triển vững mạnh hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tham khảo hướng dẫn viết khóa luận tốt nghiệp của Trường Đại Học Hutech
- Quyết định 48/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 14/09/2006
- Chuẩn mực kế toán số 02- hàng tồn kho
- Tài liệu do phòng kế toán Công ty cổ phần Yashi cung cấp.
- Tài liệu tham khảo tại web: www.ketoandoanhnghiep.com.vn